CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 15 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 16 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
07:20	Thịnh An 06	5,2	90,98	5.539	NB01	TH PTSC	P/s	Cầu 1	Thành Phát 25 ra cập mạn Hoa Mai 88
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
19:00	SUNSHINE 79	4,6	78,70	4.176	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 3	Cập mạn tàu KHÔI NGUYÊN 05
06:00	HÙNG DŨNG 10	4,5	79,00	3.170	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 3	Cập mạn tàu SUNSHINE 79
06:30	VOSCO JUBILANT	6,0	189,99	59.398	ĐD 08 TĐ 01	TH ĐD	P/s	Cầu 5	Nil
07:40	PHÚC HẢI 19	5,0	89,75	5.508	ĐD 06	TH ĐD	P/s	Cầu 3	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
01:00	VIET THUAN 11-07	6,8	129,60	11080	NS 168 HC 06	TH G.MA	P/s	Cầu 6	VINACOMIN
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							

20:00	Phương Bắc 08	5,5	79,75	3886	Nil	TH LS	P0	Cầu 10	Nil
21:30	Vũ Đình27	3,2	89,68	5483,7	Nil	TH LS	P0	Cầu 7	Nil
05:20	Hoàng Anh 36	5,5	79,88	3513,5	Nil	TH LS	P0	Cầu 9	Nil
09:00	Tuấn Minh 36	6,5	79,14	4065,8	Nil	TH LS	P0	Cầu 9	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
	N/A					TH QTr	P/s	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
	N/A				VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P/s	Cầu số 01	NSA
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
	N/A				Nil	CD NĐ1	Cầu 11	NĐ1	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
	N/A				NS 02	CDXM	P/s	Cầu 2	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							

	N/A				Nil	CD AP	P0	AP1	NSAgency
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
21:30	NHA BE 06	5,0	107,48	6.788	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	VITACO Nghi Sơn
22:30	BLUE OCEAN 02	3,8	96,72	4.936	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2B	VITACO Nghi Sơn
04:00	AULAC DIAMOND	5,0	127,20	12.639	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	Hàng Hải Nghi Sơn
12:00	PHU DAT 16	4,5	109,90	6.399	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	Hàng Hải Nghi Sơn
23:00	TUNG LINH 05	4,1	106,55	4.928	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	VITACO Nghi Sơn
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
	N/A				Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
17:00	NGUYỄN DƯƠNG 268	4,7	94,70	3.728	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 3	P/s	Nil
18:00	HÙNG KHÁNH 68	4,0	79,20	3.457	`	TH ĐD	Cầu 5	P0	Nil
05:00	TRƯỜNG HẢI 01	6,0	98,00	7.088	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 4	P/s	Nil
07:00	KHÔI NGUYÊN 05	4,6	87,50	4.714	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 3	P/s	Nil
16:00	HÙNG DŨNG 10	4,0	79,00	3.170	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil

3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
16:30	BZ LINHAI	8,8	155,85	19.451	LS 136 LS 135	TH LS	Cầu 9	P0	Nil
21:00	Vũ Đình 125	6,5	102,80	6.997	LS 136	TH LS	Cầu 9	P0	Nil
23:00	Hà Hải 09	5,0	79,86	3.645	Nil	TH LS	Cầu 7	P/s	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
19:30	Hùng Khánh 10	2,2	89,50	4.902	HC 06	TH QTr	Cầu 11	P/s	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
	N/A				VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 01	P/s	Nil
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
	N/A				Nil	CD NĐ1	NĐ1	Cầu 5	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							

	N/A				NS 02	CDXM	Cầu 2	P0	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
20:30	PTS HAI PHONG 03	6,2	97,16	6.144	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	VIPCO Hạ Long
03:00	GIA PHUC	6,0	111,30	7.958	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
11:00	NHA BE 06	7,0	107,48	6.788	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	VITACO Nghi Sơn
14:00	BLUE OCEAN 02	5,9	96,72	4.936	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2B	P/s	VITACO Nghi Sơn
22:00	AULAC DIAMOND	8,0	127,20	12.639	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
23:59	PHU DAT 16	4,5	109,90	6.399	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
B. KHU VỰC LỆ MÔN									
Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							
	N/A				Nil	Lệ Môn	P0	Lệ Môn	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									

Thanh Hoá, 17h00' ngày 15 tháng 11 năm 2026

Nơi nhận: - Như trên; - Giám đốc (để b/cáo); - Chi nhánh Hoa tiêu VI; - Phòng AT&ANHH; - Các Doanh cảng biển; (để t/hiện) - Các Doanh nghiệp lai dắt; - Lưu: QLKCHT.	**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH** **Mai Văn Khánh**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Lê Duy Hiếu**